

Số: 09/KHCL-THCN

Chiềng Noi, ngày 18 tháng 9 năm 2019

KẾ HOẠCH
CHIẾN LƯỢC 5 NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN
TRƯỜNG TIỂU HỌC XÃ CHIỀNG NOI GIAI ĐOẠN 2019 - 2024 VÀ
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2029

Để thực hiện đường lối đổi mới giáo dục Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản quan trọng như: Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông... Qua đó đòi hỏi đòi hỏi các cơ sở giáo dục nói chung và các trường Tiểu học nói riêng phải xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển của từng nhà trường trong từng thời kỳ, từng giai đoạn để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước và nhân dân đã giao phó.

Các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương luôn nhận thức đúng đắn về công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, coi sự nghiệp giáo dục nói chung công tác xây dựng trường Tiểu học đạt chuẩn quốc gia nói riêng là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân và toàn xã hội, được thể hiện tại các văn bản của Đảng ủy - HĐND - UBND xã Chiềng Noi. Hàng năm đều có sự giúp đỡ nhà trường xây dựng cơ sở vật chất và tạo điều kiện thuận lợi cho mọi hoạt động của nhà trường để trường hoàn thành tốt kế hoạch nhiệm vụ từng năm học.

Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2019-2024 và tầm nhìn đến năm 2029 nhằm xác định rõ định hướng mục tiêu chiến lược và các giải pháp chủ yếu trong quá trình vận động và phát triển, là cơ sở quan trọng cho các quyết sách của hiệu trưởng, ban lãnh đạo cũng như toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường. Xây dựng và triển khai Kế hoạch chiến lược của trường Tiểu học Xã Chiềng Noi là hoạt động có ý nghĩa quan trọng, góp phần thực hiện tốt mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, kế hoạch phát triển Giáo dục và Đào tạo huyện Mai Sơn giai đoạn 2019-2024 nhằm phát triển theo kịp yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của đất nước, hội nhập với các nước trong khu vực và quốc tế. Hơn thế nữa nhà trường đã không ngừng phát triển bền vững, đã, đang và sẽ trở thành một ngôi trường có chất lượng giáo dục tốt, một địa chỉ tin cậy của cha mẹ và học sinh. Phần đầu thực hiện tốt chủ đề năm học “*Giáo dục tiểu học Xã Chiềng Noi là niềm tin của gia đình và xã hội*”.

Trên cơ sở đánh giá việc thực hiện Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2014-2019, trường Tiểu học Xã Chiềng Noi xây dựng Kế

hoạch Chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2019-2024 cụ thể như sau:

I. CÁC CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH:

Điều lệ trường Tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

Căn cứ Luật Giáo dục năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục năm 2009;

Căn cứ Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 13/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020”;

Căn cứ Nghị quyết số 29, Khóa XI của BCH TW Đảng về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo”;

Căn cứ thông tư số 42/2012/TT-BGDĐT ngày 23/11/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên;

Căn cứ thông tư số 59/2012/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế, quy định tiêu chuẩn, quy trình kiểm tra và công nhận trường tiểu học đạt mức chất lượng tối thiểu và trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia.

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14, ngày 14/6/2019;

Căn cứ Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2024 của xã Chiềng Nọi huyện Mai Sơn;

Trường Tiểu học Chiềng Nọi xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2019-2024 và tầm nhìn đến năm 2029 như sau:

PHẦN THỨ NHẤT THỰC TRẠNG TRƯỜNG HIỆN NAY

Trường tiểu học Chiềng Nọi thuộc xã Chiềng Nọi là trường vùng 3. Điều kiện phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục còn gặp rất nhiều khó khăn: Địa bàn rộng cách trung tâm huyện 100 km, học sinh 607/607 đều là học sinh dân tộc thiểu số. Điểm trường chính cách xa điểm trường lẻ, dân cư phân tán, học sinh đi học xa, điều kiện đi lại khó khăn. Mức sống của nhân dân còn thấp, đại đa số gia đình học sinh là sản xuất nông nghiệp nên hoàn toàn phụ thuộc vào thiên nhiên.

Công tác xã hội hoá giáo dục luôn được chăm lo và phát triển. Sự nghiệp giáo dục thường xuyên được quan tâm chú trọng.

Xã Chiềng Nọi về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, mặc dù còn nhiều khó khăn, nhất là tình hình thời tiết, khí hậu diễn biến phức tạp gây ảnh hưởng lớn đến đời sống, sản xuất và kinh doanh của nhân dân trên địa bàn. Tuy nhiên được sự quan tâm của UBND huyện, giúp đỡ của các sở ngành, sự chỉ đạo sát

sao của cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, sự nỗ lực quyết tâm của các lực lượng và nhân dân các dân tộc trên địa bàn xã, tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của xã được duy trì và đảm bảo: Kinh tế một số lĩnh vực vẫn được duy trì; văn hóa xã hội có những chuyển biến tích cực, các chính sách an sinh xã hội và giảm nghèo bền vững được quan tâm; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững; các hoạt động đối ngoại được duy trì.

I. CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA NHÀ TRƯỜNG

1. Hội đồng trường (*Hoạt động của Hội đồng trường; Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng*)

Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên: 41 đ/c, trong đó:

+ Cán bộ quản lý: 3 đ/c (HT 01; PHT 02)	*Trình độ đào tạo:
+ Giáo viên văn hoá: 34 đ/c	+ Đại học: 16 đ/c
+ Giáo viên chuyên: 01 đ/c	+ Cao đẳng: 8 đ/c
+ Nhân viên: 2 đ/c	+ Trung cấp: 14 đ/c
	+ Sơ cấp: 1 đ/c

Hội đồng trường họp thường kì ít nhất ba lần trong một năm. Trong trường hợp cần thiết, khi hiệu trưởng hoặc ít nhất một phần ba số thành viên hội đồng trường đề nghị, chủ tịch hội đồng trường có quyền triệu tập phiên họp bất thường để giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của nhà trường. Chủ tịch hội đồng trường có thể mời đại diện chính quyền và đoàn thể địa phương tham dự cuộc họp của hội đồng trường khi cần thiết.

Phiên họp hội đồng trường được công nhận là họp lệ khi có mặt từ ba phần tư số thành viên của hội đồng trở lên (trong đó có chủ tịch hội đồng). Quyết nghị của hội đồng trường được thông qua và có hiệu lực khi được ít nhất hai phần ba số thành viên có mặt nhất trí. Quyết nghị của hội đồng trường được công bố công khai.

1.1. Hiệu trưởng:

Xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục nhà trường và tổ chức triển khai, thực hiện kế hoạch; chịu trách nhiệm chung về các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Tổ chức thực hiện tốt công tác truyền thông Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018; tham mưu cấp trên về xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị, đồ dùng dạy học.

Xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

Tổ chức các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ.

Chủ trì xây dựng các tiêu chí thi đua trong nhà trường.

Ban hành quyết định thành lập tổ chuyên môn; quyết định bổ nhiệm các chức danh tổ trưởng, tổ phó tổ chuyên môn.

Phân công giáo viên chủ nhiệm lớp và giảng dạy các môn học và hoạt động giáo dục.

Chỉ đạo, tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018, bắt đầu từ lớp 1; kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 của giáo viên.

Tham gia sinh hoạt chuyên môn ở tổ để tư vấn, định hướng công tác chuyên môn cho giáo viên.

1.2. Phó hiệu trưởng:

Xây dựng thời khóa biểu phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường, đảm bảo dạy không quá 7 tiết/ngày; 9 buổi /tuần.

Quản lý, chỉ đạo các hoạt động chuyên môn; công tác thư viện, thiết bị; quản lý các phần mềm liên quan đến hoạt động chuyên môn.

Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp; hoạt động trải nghiệm; kế hoạch bồi dưỡng học sinh năng khiếu, phụ đạo học sinh chậm tiến bộ và các hoạt động khác có liên quan đến các hoạt động giáo dục.

Chỉ đạo các tổ chuyên môn hoạt động theo đúng Điều lệ trường tiểu học. Tổ chức các chuyên đề, hội thảo cấp trường về dạy học lớp 1, lớp 2 theo Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

Tổ chức kiểm tra các hoạt động liên quan đến chuyên môn.

Tham gia sinh hoạt chuyên môn ở tổ để tư vấn, định hướng công tác chuyên môn cho giáo viên.

2. Các hội đồng khác (*Hoạt động của Hội đồng thi đua khen thưởng, kỷ luật; Hội đồng tư vấn ; Hội đồng nâng lương ; ...*)

2.1 Hội đồng thi đua khen thưởng

Hội đồng thi đua khen thưởng giúp hiệu trưởng tổ chức phong trào thi đua; hướng dẫn tổ chức phát động thi đua và giám sát việc thực hiện; tham mưu sơ kết, tổng kết, xét và đề nghị khen thưởng đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh nhà trường; kiến nghị đề xuất về công tác thi đua, khen thưởng.

Hội đồng thi đua khen thưởng do hiệu trưởng thành lập vào đầu mỗi năm học bao gồm chủ tịch, phó chủ tịch, thư ký và các thành viên. Hiệu trưởng là chủ tịch hội đồng thi đua khen thưởng. Các thành viên của hội đồng bao gồm: phó hiệu trưởng, đại diện cấp ủy Đảng Cộng sản Việt Nam, chủ tịch Công đoàn, bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, tổng phụ trách Đội, tổ trưởng tổ chuyên môn, tổ trưởng tổ văn phòng, đại diện giáo viên. Số lượng thành viên trong Hội đồng thi đua khen thưởng là số lẻ.

Chủ tịch Hội đồng thi đua khen thưởng triệu tập họp hội đồng định kỳ vào đầu năm học, cuối học kì I, cuối năm học và họp đột xuất khi có yêu cầu công

việc.

2.2. Hội đồng kỉ luật

Hội đồng kỉ luật được thành lập để xét hoặc xóa kỉ luật đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên theo từng vụ việc. Việc thành lập, thành phần và hoạt động của hội đồng kỉ luật được thực hiện theo quy định của pháp luật.

2.3. Hội đồng tư vấn

Hiệu trưởng thành lập các hội đồng tư vấn để tư vấn giúp hiệu trưởng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong hoạt động quản lý và chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ. Nhiệm vụ, quyền hạn, thành phần và thời gian hoạt động của các hội đồng tư vấn do hiệu trưởng quy định.

2.4. Hội đồng nâng lương

Hàng tháng tổ chức xét nâng lương thường xuyên, thâm niên nhà giáo với những cá nhân đủ các tiêu chuẩn nâng bậc lương thường xuyên.

3. Các tổ chức (*Hoạt động của Chi bộ; Công đoàn; Đoàn thanh niên; Đội thiếu niên tiên phong HCM, các tổ chuyên môn, tổ văn phòng; lớp, học sinh, điểm trường và các tổ chức khác nếu có*).

3.1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường tiểu học lãnh đạo nhà trường và hoạt động theo quy định của Điều lệ Đảng, trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

Tổng số đảng viên: 26 người, trong đó chính thức: 25, dự bị 01

Hàng năm chi bộ đạt chi bộ trong sạch vững mạnh

3.2. Tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các tổ chức xã hội khác hoạt động trong trường tiểu học theo quy định của pháp luật nhằm giúp nhà trường thực hiện mục tiêu, chương trình giáo dục.

Chi đoàn trường có 27 đoàn viên, đoàn viên là đảng viên 13 đc hoạt động chi đoàn thực hiện theo nghị quyết của chi đoàn đề ra dưới sự chỉ đạo của chi bộ nhà trường.

Hàng năm xây dựng chương trình hành động thực hiện nhiệm vụ của đoàn thể từng năm học, thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường.

Tuyên truyền, vận động mọi thành viên của đoàn thể mình thực hiện đạt mục tiêu và thực hiện tốt các nội dung và giải pháp trong kế hoạch chiến lược; góp ý với nhà trường điều chỉnh, bổ sung những giải pháp phù hợp để thực hiện tốt kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường.

3.3. Đội Thiếu niên Tiên phong Hồ Chí Minh hoạt động theo Điều lệ Đội Thiếu niên Tiên phong Hồ Chí Minh và các quy định của pháp luật. Đội Thiếu niên Tiên phong Hồ Chí Minh có tổng phụ trách Đội. Tiêu

chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn của tổng phụ trách Đội thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Toàn trường có tổng số 16 chi đội và 15 sao nhi đồng, tổ chức đội hoạt động theo các chủ điểm trong năm

3.4. Đối với Tổ trưởng chuyên môn, tổ trưởng chuyên môn: Tổ chức thực hiện có hiệu quả kế hoạch của tổ từng năm học bám sát kế hoạch nhà trường năm học và Kế hoạch chiến lược phát triển; kiểm tra đánh giá việc thực hiện kế hoạch của các thành viên trong tổ. Dự báo khả năng và đề xuất các giải pháp để thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển.

Triển khai thực hiện nội dung bồi dưỡng thường xuyên hàng năm, nâng cao năng lực giảng dạy bộ môn và giáo dục học sinh.

3.5. Đối với cá nhân cán bộ, giáo viên, nhân viên: Căn cứ kế hoạch chiến lược phát triển, kế hoạch năm học của nhà trường để xây dựng kế hoạch công tác cá nhân theo từng năm học.

Tích cực học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ đào tạo và năng lực giảng dạy, giáo dục, năng lực công tác, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, góp phần xây dựng, phát triển và quảng bá về trường mình.

3.6. Đối với học sinh: Không ngừng học tập, rèn luyện; tích cực tham gia các hoạt động giáo dục và phong trào thi đua của nhà trường.

Khắc phục khó khăn để vươn lên học tốt, thực hiện tốt 5 điều Bác Hồ dạy thiếu niên-Nhi đồng và 5 nhiệm vụ của học sinh tiểu học, rèn luyện kỹ năng sống để hoà nhập tốt với cuộc sống.

3.7. Ban đại diện cha mẹ học sinh: Tham gia góp ý việc triển khai thực hiện Kế hoạch; cộng tác với nhà trường trong các hoạt động giáo dục, xây dựng, tăng cường cơ sở vật chất và vận động xã hội hóa giáo dục; cùng với nhà trường tuyên truyền vận động các bậc cha mẹ học sinh và nhân dân tạo sự đồng thuận và ủng hộ việc thực hiện mục tiêu kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường.

Quan tâm chăm sóc và tạo điều kiện tốt để con em học tập, được rèn luyện ở trường học và có điều kiện vươn lên trong cuộc sống.

II. QUY MÔ LỚP, HỌC SINH, CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Quy hoạch điểm trường; lớp, học sinh

1.1. Số điểm trường (trong đó số điểm lẻ); 6 điểm trường (trong đó 5 điểm trường lẻ)

1.2. Số lớp, số học sinh : Tổng số 607 em, Nữ 308 với 29 lớp

- Lớp 1: 5 Lớp, 152HS
- Lớp 2: 8 Lớp, 158 HS
- Lớp 3: 5 Lớp, 119HS
- Lớp 4: 6 Lớp, 140 HS

- Lớp 5: 5 Lớp, 104 HS

1.3. Tỷ lệ huy động trẻ ra lớp

- 6 tuổi ra lớp 1: Số lượng 117/117, tỷ lệ 100%

- 6-10 tuổi ra lớp: Số lượng 603/607, tỷ lệ 99,34%

- 11-14 tuổi ra lớp: Số lượng 4/607, tỷ lệ 0,66%

2. Chất lượng giáo dục (Số lượng, tỷ lệ %)

Các hoạt động giáo dục: HTXS: 200 hs chiếm 28%; HTT 250 đạt 37 %; HT 215 chiếm 33 %; Chưa hoàn thành 4 đạt 2 %.

* Năng lực: HTT 450 = 67%; Đạt 215 = 31%; Cần cố gắng 4 = 2%

* Phẩm chất: HTT 450 = 67%; Đạt 215 = 3%; Cần cố gắng 4 = 2%

- Hoàn thành chương trình lớp học đạt 98% trở lên

- Học sinh 6 tuổi vào lớp 1 tổng số 117/117 đạt 100%

- Hoàn thành chương trình tiểu học đạt 113/113 đạt 100%

- Môn Tiếng Việt, môn Toán: Hoàn thành tốt 190/607 đạt 29,4%; Hoàn thành 466 chiếm 69,2%; Chưa hoàn thành 9 chiếm 1,4% (Thông tư số 28: Hoàn thành XS 53 chiếm 7,8%, hoàn thành tốt 145 chiếm 21,6 %, hoàn thành 466 chiếm 69,2% , chưa hoàn thành 9 chiếm 1,4%).

- Năng lực:

+ Năng lực chung (Tốt 202 đạt 30%, đạt 462 đạt 68,6%, CCG 9 đạt 1,34%): Tự phục vụ, tự quản; Hợp tác; Tự học và giải quyết vấn đề

+ Năng lực đặc thù (Tốt 202 đạt 30%, đạt 462 đạt 68,6, CCG 9 đạt 1,34%): Ngôn ngữ, Tính toán, Khoa học, Công nghệ-Tin học, Thẩm mỹ, Thể chất (đối với các lớp thực hiện theo Thông tư số 27)

- Phẩm chất: Chăm học, chăm làm; Tự tin, trách nhiệm; Trung thực, kỉ luật; Đoàn kết, yêu thương (Đối với các lớp thực hiện Thông tư số 22, Tốt 89/363 đạt 24,5%, Đạt 272/363 đạt 74,9%, CCG 2 đạt 0,6%). Chăm chỉ; Trách nhiệm; Trung thực; Yêu nước; Nhân ái (Đối với các lớp thực hiện theo Thông tư số 27 Tốt 115/310 đạt 37%, đạt 60,6%, CCG 7 đạt 3,6%)

- Hoàn thành chương trình lớp học: Hoàn thành, chưa hoàn thành (Đối với các lớp thực hiện theo Thông tư số 22; Hoàn thành tốt 83 đạt 22,8%, Hoàn thành 278 đạt 76,5%, Chưa hoàn thành 1 đạt 0,7 (đối với các lớp thực hiện theo Thông tư số 27 Hoàn thành XS 53 đạt 17%, Hoàn thành tốt 62 đạt 20%, Hoàn thành 188 đạt 60,6%, Chưa hoàn thành 7 đạt 3,4%)

- Tỷ lệ hoàn thành chương trình lớp học: đạt 98,8%

- Tỷ lệ hoàn thành chương trình tiểu học: đạt 100%

III. ĐỘI NGŨ

1. Cán bộ quản lý

Chất lượng đội ngũ CBQL : Số lượng theo quy định, chất lượng (*trình độ đào tạo; kết quả đánh giá chuẩn Hiệu trưởng; Phó Hiệu trưởng*).

Tổng số cán bộ quản lí : 3 người ; Nam : 03 ; Dân tộc 02 (đủ về số lượng)

Trình độ : + Đại học 03

+ Trung cấp lý luận-Hành chính : 03

+ Đào tạo chức danh Hạng II : 02 ; Hạng III : 01

+ Qua Đào tạo bồi dưỡng quản lý giáo dục : 03

+ Kết quả đánh giá hàng năm chuẩn HT, PHT : Tốt

2. Giáo viên

2.1. Số lượng giáo viên: 39 cơ cấu giáo viên (GV văn hóa 37, GV chuyên 02), Tổng phụ trách Đội 0 ; tỷ lệ giáo viên trên lớp 1,25/lớp ; (*căn cứ quy định hiện hành còn thiếu 7 giáo viên văn hóa, 3 giáo viên chuyên Nhạc, Mỹ thuật, Tin học*).

2.2. Đội ngũ giáo viên

- Trình độ đào tạo : Trên chuẩn , Đạt chuẩn 24, chưa đạt chuẩn 15 (Theo Luật giáo dục 2019)

- Đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp: Tốt 5, Khá 18, Đạt yêu cầu 01, Chưa đạt

3. Nhân viên (*số lượng theo cơ cấu vị trí việc làm, trình độ đào tạo...*)

+ Chưa có nhân viên: 3 (Kế toán , Thư viện, Văn thư)

+ Hợp đồng NĐ 68: 02 người (BV, Phục vụ)

IV. CƠ SỞ VẬT CHẤT (*Theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 27/5/2020 của Bộ GDĐT Quy định tiêu chuẩn CSVC các trường MN, TH, THCS, THPT và trường PT có nhiều cấp học*)

1. Khuôn viên nhà trường

Ưu điểm : Diện tích khuôn viên nhà trường tổng diện tích 27.887m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ; diện tích bình quân 41m²/học sinh có sân chơi lát gạch và đồ bê tông 2110 m², trong khuôn viên trồng cây cảnh, cây bóng mát; môi trường an toàn,

Nhược điểm : giao thông đi lại chưa thuận tiện giữa các điểm trường còn cách xa từ 8 đến 20 km.

2. Cơ sở vật chất

2.1. Khối phòng hành chính quản trị (*đã có, diện tích, thiết bị*):

Phòng HT 01 phòng, phòng PHT 02 phòng, Văn phòng 01 phòng, Phòng bảo vệ 01 phòng;

2.2. Khối hạng mục phục vụ học tập

- Phòng học tập 31 phòng trong đó Phòng kiên cố 27, phòng bán kiên cố 4; phòng hỗ trợ học tập (đã có, diện tích, thiết bị): Phòng học 31, Phòng Âm nhạc 0, Mỹ thuật 0, Khoa học - Công nghệ 0, Tin học 0, Ngoại ngữ 0, Đa năng 0;

- Khối phòng hỗ trợ học tập (đã có, diện tích, thiết bị): Thư viện 0, Phòng thiết bị giáo dục 01, Phòng tư vấn học đường hỗ trợ HS khuyết tật 0, phòng truyền thống 0, phòng Đội thiếu niên 0;

- Khối phụ trợ (đã có, diện tích, thiết bị): Phòng họp 01, phòng y tế học đường, nhà kho 02, khu để xe 01, khu vệ sinh cho HS 03, GV 4, phòng giáo viên 15;

- Khu sân chơi, thể dục thể thao (đã có, diện tích, thiết bị): Sân chơi 3510m², sân thể thao 500, nhà đa năng chưa có.

- Khối phục vụ sinh hoạt (đã có, diện tích, thiết bị): Nhà bếp 02, kho bếp 02, nhà ăn 02, nhà ở nội trú 02, phòng sinh hoạt chung 05.

V. THỜI CƠ, THÁCH THỨC

1. Thời cơ

Trường tiểu học Chiềng Nơ được sáp nhập hai trường tiểu học Chiềng Nơ 1 và Trường Tiểu học Chiềng Nơ 2 theo quyết định 2234/2018/QĐ-UBND huyện Mai Sơn thành lập 01/11/2018. Thuộc xã đặc biệt khó khăn được Đảng ủy, chính quyền và nhân dân địa phương rất quan tâm đến sự nghiệp giáo dục. Phong trào khuyến học, khuyến tài phát triển ở chi hội bản, dòng họ đã góp phần quan trọng trong việc xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, tích cực.

Công tác xã hội hóa giáo dục của địa phương nói chung và nhà trường nói riêng đã đạt được hiệu quả, đặc biệt là trong nội dung tăng cường các điều kiện cơ sở vật chất trường học. Trong những năm qua, nhà trường đã nhận được sự đầu tư, ủng hộ của UBND huyện, Phòng GD&ĐT, các nhà hảo tâm, các doanh nghiệp cho nhà trường học với kinh phí khoảng gần 7 tỉ đồng để xây dựng lớp học nhà ăn, nhà ở bán trú, nhà vệ sinh, sân chơi.

Đội ngũ cán bộ quản lý đủ về số lượng, đội ngũ giáo viên trẻ, nhiệt tình có trình độ đạt chuẩn, chủ yếu là nguồn lực đa số là tại địa phương đáp ứng được yêu cầu công tác hạn chế việc điều động luân chuyển.

2. Thách thức

Giai đoạn 2019 – 2024 là những năm đầu tiên thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 nên chưa có nhiều kinh nghiệm.

Hiện nay nhà trường còn thiếu giáo viên chuyên như Nhạc, Mỹ thuật, Tin học, biên chế mà hàng năm chưa đủ theo tỷ lệ 1,5gv/lớp (hiện nay mới đạt 1,25 gv/lớp). Đội ngũ giáo viên của nhà trường còn ở xa 5 điểm trường lẻ cách điểm trường chính từ 8 đến 20 km, nhiều giáo viên trẻ đang độ tuổi sinh nở nên nghỉ thai sản nhiều. Nhà trường còn 15 giáo viên trình độ Cao đẳng, Trung cấp su phạm vừa làm- vừa học nâng cao trình độ.

Nhà trường mới được sáp nhập với 2 trường tiểu học trong xã (sáp nhập với trường tiểu học Chiềng Nọi 1, TH Chiềng Nọi 2 ngày 01/11/2018) có nhiều khó khăn về cơ sở vật chất không tập trung .

Cha mẹ học sinh chủ yếu sản xuất nông nghiệp, tỷ lệ học sinh thuộc hộ nghèo trên 70% nhiều gia đình còn phải đi làm ăn xa ngoài tỉnh nên việc chăm sóc và kết hợp giáo dục với nhà trường còn có hạn chế.

3. Xác định các nội dung ưu tiên (*Nâng cao chất lượng công tác quản trị nhà trường; nâng cao chất lượng, số lượng đội ngũ giáo viên, nhân viên đảm bảo dạy tốt 2 buổi/ngày; Đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá phát triển năng lực, phẩm chất, bàn giao chất lượng học sinh thực chất, hiệu quả; tăng cường ứng dụng CNTT trong dạy - học, giáo dục kỹ năng sống, hoạt động trải nghiệm...; đảm bảo cơ sở vật chất, thiết bị đáp ứng Chương trình GDPT 2018 ...*)

Hiện nay, nhà trường có 39 giáo viên giảng dạy 01 giáo viên dạy các môn chuyên. Trong đó, giáo viên dạy thể dục 01, tiếng Anh 0, mỹ thuật 0, tin học 0, âm nhạc 0 giáo viên. Tỷ lệ giáo viên trên lớp là 1,25 (37 giáo viên/31 lớp), 100% giáo viên của trường có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn, trong đó trình độ Đại học là 24/39 chiếm 61,5%, trình độ Cao đẳng là 6/39 chiếm 15,5%, trình độ trung cấp là 9/39 là 23%. Có 4 giáo viên giỏi cấp huyện. Cơ cấu giáo viên hợp lý, trình độ đào tạo của giáo viên đều đạt chuẩn và trên chuẩn, nhìn chung giáo viên có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ khá vững vàng, có tinh thần trách nhiệm, tâm huyết với nghề là điều kiện thuận lợi lớn nhất của nhà trường trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục. (đang theo học Thạc sĩ 01; Đại học 15 giáo viên kết thúc khóa học năm 2023)

Quy mô phát triển của nhà trường trong 5 năm tiếp theo khá ổn định, có từ 31 -35 lớp học với khoảng 673 đến 760 học sinh. Số lớp, số lượng học sinh/lớp đảm bảo quy định tại Điều lệ trường tiểu học. Học sinh có có phong trào học tập, rèn luyện tốt; nhiều học sinh có tố chất, các em rất hứng thú, say mê với những hoạt động phát triển tố chất, năng lực cá nhân như các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao, khoa học kỹ thuật,

Tỷ lệ phòng học/ lớp của nhà trường là 1, chưa có các phòng học bộ môn gồm: phòng tiếng Anh, phòng tin học, phòng âm nhạc, phòng mỹ thuật. cố gắng khắc phục đạt Chuẩn Xanh – Sạch – Đẹp – An toàn nên các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học cơ bản đáp ứng được những yêu cầu mới của công tác giáo dục.

Lãnh đạo nhà trường là những người tâm huyết, dám nghĩ, dám làm, tích cực học hỏi, luôn đi đầu trong việc đổi mới, sáng tạo và luôn khuyến khích, trân trọng sáng tạo của giáo viên. Lãnh đạo nhà trường đã truyền được cảm hứng cho đội ngũ nhà giáo và tạo lập được bầu không khí làm việc thân thiện, tích cực trong đơn vị.

Trong những năm gần đây, nhà trường đã đưa vào kế hoạch giáo dục của mình các nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục theo hướng tiếp cận CTGDPT 2018 như: dạy kỹ năng sống, giáo dục STEM, tăng

cường dạy tiếng Anh cho học sinh từ lớp 1 đến lớp 5, tổ chức các hoạt động ngoại khóa bán trú giao lưu Tiếng Việt của chúng em cho học sinh dân tộc thiểu số, dạy tăng cường Tiếng Việt, tổ chức các hoạt động trải nghiệm, đã thu được nhiều kết quả khả quan, đề xuất nguồn nhân lực giáo viên dạy đủ bộ môn chuyên. Đây là điều kiện rất thuận lợi để nhà trường thực hiện triển khai thành công Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

V. CÔNG TÁC TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả tự đánh giá theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT

Kết quả đạt được của từng tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục (Ví dụ: Tiêu chuẩn 1: Số tiêu chí chưa đạt ; số tiêu chí đạt mức 1, 2, 3, ...)

Tiêu chuẩn 1 : Tổ chức và quản lí

Nhà trường đạt

Tiêu chuẩn 2 : Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Nhà trường chưa đạt: Tiêu chí 2.2; 2.3

Tiêu chuẩn 3 : Cơ sở vật chất, thiết bị trường học

Nhà trường chưa đạt: Tiêu chí 3.1; 3.2; 3.3; 3.4; 3.5; 3.6

Tiêu chuẩn 4 : Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Nhà trường đạt

Tiêu chuẩn 5 : Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Nhà trường đạt

2. Kết quả chung: Tự đánh giá nhà trường đạt kiểm định CLGD ở cấp độ? những thuận lợi (*điểm mạnh*), khó khăn (*điểm yếu*).

Nhà trường tự đánh giá trường Tiểu học mức độ 1, mới đạt 3/5 tiêu chuẩn

Điểm mạnh: Nhà trường được thành lập sáp nhập hai trường tiểu học theo quyết định 2334/2018/ Q Đ-UBND ngày 01/11/2018, có diện tích đất được cấp bìa đỏ 27.884 m² để xây dựng các yêu cầu về cơ sở vật chất.

Điểm yếu: Đội ngũ giáo viên theo luật GD 2019 chưa đạt chuẩn trình độ, hiện nay đang học nâng cao trình độ Đại học 15/38 GV, giáo viên chuyên không đủ số lượng (Tin học, Nhạc, Mỹ thuật), nhân viên thiếu (Thư viện, văn thư, y tế), Cơ sở vật chất mới đủ phòng học, chưa có phòng chức năng theo yêu cầu.

PHẦN THỨ HAI

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2020-2024

I. TẦM NHÌN, SỨ MẠNG

1. Tầm nhìn:

Trong những năm tiếp theo xây dựng trường phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học là một ngôi trường thân thiện, uy tín, chất lượng, nơi phụ huynh, học sinh tin cậy. Một chiếc nôi rèn luyện để giáo viên và học sinh luôn có khát vọng

vươn lên. Học sinh sẽ trở thành những cá nhân có tư duy độc lập, tham gia tích cực vào học tập, biết giải quyết vấn đề, hướng tới năng lực tự học, đáp ứng nhu cầu học tập, phát triển tại của học sinh tại địa phương.

2. Sứ mệnh:

Tạo dựng được môi trường giáo dục lành mạnh, thân thiện, tích cực, năng động, sáng tạo để mỗi học sinh phát triển tối đa khả năng của bản thân. Giáo dục học sinh có *thói quen và kỹ năng và ham thích đọc sách, có năng lực tự học, năng lực sáng tạo, được học tập ngoại ngữ, tin học từ lớp 1 đến lớp 5, có kỹ năng sống thích ứng với xã hội để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển và tự định hướng vươn lên trong tương lai.*

3. Giá trị cốt lõi: (*Đoàn kết - Trách nhiệm; Trung thực - Sáng tạo; Kỷ luật - Hợp tác - Chia sẻ; Công bằng - Khách quan; phát triển năng lực chung, năng lực đặc thù, năng khiếu ...*)

- Những phẩm chất chủ yếu: Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

+ Những năng lực chung: Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

+ Những năng lực đặc thù: Ngôn ngữ, tính toán, khoa học, công nghệ, tin học, thẩm mỹ, thể chất.

Đối với học sinh lớp 3, 4, 5: Tiếp tục thực hiện đổi mới đánh giá học sinh theo Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT, ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Thông tư ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học.

Nhà trường tổ chức tập huấn nâng cao năng lực đánh giá học sinh, năng lực ra đề kiểm tra định kỳ cho giáo viên. Việc đánh giá học sinh phải đảm bảo khách quan, công khai, công bằng, dân chủ, thúc đẩy sự tiến bộ của học sinh theo mục tiêu giáo dục tiểu học.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung (*phù hợp Luật giáo dục; phù hợp mục tiêu Giáo dục tiểu học, Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT*)

- Đảm bảo quy mô lớp học, sĩ số học sinh theo quy định của Điều lệ trường tiểu học.

- Học sinh hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%.

- Học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 98% trở lên.

- Học sinh hoàn thành tốt môn học đạt từ 50% trở lên.

- Tham gia 100% các cuộc thi, giao lưu, cấp trường, cụm trường

2. Mục tiêu cụ thể (*Phù hợp định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, Ngành giáo dục và điều kiện của nhà trường*)

(1) Trường, điểm trường, khuôn viên, sân chơi, bãi tập, huy động các nguồn lực xây dựng khuôn viên, sân lát gạch, tường rào, cổng trường, nhà bảo vệ

(2) Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày (*Số buổi học/tuần; tỷ lệ học sinh được học*) tổ chức dạy 2 buổi/ngày 100% tất cả các khối lớp (không thu tiền)

(3) Kết quả giáo dục học sinh (*Hoàn thành xuất sắc 20%, Hoàn thành tốt 40%, Hoàn thành 38%, Chưa hoàn thành 2%/ Hoàn thành tốt 50%, Hoàn thành 48%, Chưa hoàn thành 2%*)

(4) Chất lượng đội ngũ (*Trình độ đào tạo 100% đạt chuẩn/Kết quả xếp loại theo chuẩn nghề nghiệp đạt xuất sắc 40%, Tốt 50%, Đạt 10%/ giáo viên giỏi cấp trường 8 người/năm, cấp huyện tham gia 2-3 gv/cuộc thi*)

(5) Cơ sở vật chất, thiết bị (*xây mới, trang cấp mới*): Xây mới nhà đa năng, Phòng chức năng, tường rào, cổng trường, nhà bảo vệ khu trung tâm

(6) Kiểm định chất lượng giáo dục và đạt chuẩn quốc gia năm 2024

(7) Phổ cập giáo dục duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục Tiểu học mức độ 3 hàng năm.

III. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN (Có các phụ lục 1-5 kèm theo)

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý nhà trường, nâng cao chất lượng và phát triển đội ngũ.

Xây dựng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đủ về số lượng; có phẩm chất chính trị; có năng lực chuyên môn khá giỏi; có trình độ Tin học, ngoại ngữ cơ bản, có phong cách sư phạm mẫu mực, đoàn kết, tâm huyết, gắn bó với nhà trường, hợp tác, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ. Chú trọng:

Hoàn thiện và thực hiện kế hoạch đào tạo cán bộ quản lý và bồi dưỡng nâng chuẩn đội ngũ giáo viên giảng dạy hàng năm. (Học nâng cao Thạc sĩ quản lý giáo dục 01 cán bộ quản lý, học nâng cao trình độ đại học 15 người kết thúc năm 2023) Xây dựng thực hiện đề án đào tạo và bồi dưỡng, thực hiện mục tiêu đến năm 2025, tất cả các giáo viên đạt chuẩn trình độ theo Luật giáo dục 2019.

Đề xuất biên chế đội ngũ giáo viên chuyên theo Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành (Giáo viên Nhạc, Mỹ thuật, Tin học)

Tăng cường các hình thức bồi dưỡng thường xuyên nhằm cập nhật các kiến thức cho giáo viên.

2. Thực hiện kế hoạch giảng dạy, đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh.

Thực hiện nội dung chương trình các môn học một cách linh hoạt, tăng thời lượng thực hành trong các tiết dạy. Đảm bảo dạy học tích hợp giáo dục các kỹ năng sống cho học sinh.

Tổ chức thao giảng chuyên đề, hội giảng, dự giờ để trao đổi góp ý rút kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Động viên, khuyến khích giáo viên học tập và bồi dưỡng kiến thức tiếng dân tộc, tin học và kỹ năng công tác. Tạo một môi trường học tập tích cực, linh hoạt trong đội ngũ giáo viên.

Đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng phát triển năng lực, phẩm chất người, học thông qua trải nghiệm, học đi đôi với hành, biến quá trình giáo dục thành quá trình tự giáo dục. Chuyển đổi mạnh mẽ từ dạy kiến thức là chủ yếu sang dạy phương pháp học tập là chủ yếu. Chuyển đổi mạnh mẽ từ dạy lý thuyết là chủ yếu sang dạy kỹ năng tự nghiên cứu, làm việc độc lập và làm việc theo nhóm, và kỹ năng thực hành là chủ yếu. Giúp học sinh chuyển đổi từ thụ động chủ động, làm chủ bản thân trong học tập và kiểm tra.

Đẩy mạnh công tác kiểm tra định kỳ, khảo sát chất lượng, đảm bảo khách quan công bằng, ngăn ngừa tiêu cực trong kiểm tra.

3. Xây dựng cơ sở vật chất, tăng cường trang thiết bị dạy học.

Xây dựng cơ sở vật chất, nâng cấp trang thiết bị giáo dục theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá. Bảo quản và sử dụng hiệu quả, lâu dài.

Xây dựng mạng lưới thông tin quản lý, thông tin khoa học, công nghệ, thư viện và thư viện điện tử trong thời gian sớm nhất.

Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà trường, khai thác có hiệu quả mạng internet và các phần mềm quản lý phục vụ cho công tác học tập của giáo viên và học sinh, điều hành của nhà trường.

Tích cực xây dựng và tìm kiếm nguồn tài trợ cho các dự án tăng cường cơ sở vật chất cho nhà trường.

4. Tăng cường ứng dụng CNTT trong dạy học và quản lý.

Triển khai rộng rãi việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, giảng dạy, thư viện điện tử...Góp phần nâng cao chất lượng quản lý, dạy và học. Động viên cán bộ, giáo viên, nhân viên tự học hoặc theo học các lớp bồi dưỡng để sử dụng được máy tính phục vụ cho công việc chuyên môn của mình.

Nâng cao chất lượng website của nhà trường. Tổ chức xây dựng hồ sơ khoa học cho tất cả các giáo viên trên hồ sơ điện tử, cung cấp các kết quả nghiên cứu khoa học ở file điện tử làm tài liệu tham khảo cho giáo viên toàn trường.

Tăng cường nghiên cứu khoa học cho giáo viên để bồi dưỡng khả năng sáng tạo về chuyên môn.

Có chính sách khuyến khích giáo viên nhà trường tham gia các hội thi và viết bài, đăng bài kết quả nghiên cứu của thầy và trò trên các tạp chí, trên website của trường.

5. Tăng cường mối quan hệ giữa nhà trường - gia đình - xã hội; giao lưu, hợp tác quốc tế.

Phối kết hợp tốt với Ban Đại diện cha mẹ học sinh nhằm chăm lo giáo dục học sinh hiệu quả từ vật chất đến tinh thần. Tuyên truyền đến CMHS các chủ trương chung của ngành. Phối hợp phụ huynh trong công tác giáo dục học sinh chưa ngoan. Vận động phụ huynh thực hiện tốt công trình cha mẹ học sinh hàng năm phù hợp thực tế và hỗ trợ học sinh nghèo, ngoan giỏi vui bước đến trường.

Tham mưu với chính quyền địa phương, tìm hiểu chia sẻ với cha mẹ học sinh nhằm ngăn chặn những trường hợp có nguy cơ nghỉ bỏ học. Có kế hoạch phân công và huy động lực lượng giáo viên, nhân viên tham gia các hoạt động hỗ trợ giáo dục. Tuyên truyền, vận động mọi nguồn lực tại chỗ và nguồn lực khác nhằm có thêm điều kiện

6. Đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục; xây dựng thương hiệu nhà trường.

Nhà trường phối hợp với chính quyền địa phương, các lực lượng xã hội thực hiện kế hoạch giáo dục đúng độ tuổi và triển khai thực hiện có hiệu quả.

7. Phối hợp với các tổ chức đoàn thể trong trường.

Huy động sức mạnh tổng hợp các lực lượng trong và ngoài nhà trường để xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, hiệu quả, phù hợp với điều kiện của địa phương và đáp ứng nhu cầu của xã hội.

Phát huy tính chủ động, tích cực, sáng tạo của học sinh trong học tập và các hoạt động xã hội một cách phù hợp và hiệu quả. Tạo cho học sinh có môi trường học tập, sinh hoạt lành mạnh, vui tươi và bổ ích.

Học sinh được tôn trọng và được đối xử công bằng. Tham gia học tập bằng ý thức trách nhiệm. Đổi mới phương pháp dạy và học, tạo mọi điều kiện để học sinh được tham gia học tập trên phương tiện dạy học hiện đại.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phổ biến kế hoạch chiến lược

Kế hoạch chiến lược được phổ biến rộng rãi tới toàn thể cán bộ giáo viên, nhân viên của nhà trường, cơ quan chủ quản, Đảng uỷ, chính quyền địa phương, cha mẹ học sinh, học sinh và các tổ chức, cá nhân quan tâm đến nhà trường.

2. Lộ trình thực hiện kế hoạch chiến lược

2.1. Giai đoạn 1: Năm 2019– 2020:

- Triển khai chiến lược đến toàn thể cán bộ, giáo viên, báo cáo lên các cơ quan quản lý xin ý kiến chỉ đạo.

- Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, thu thập ý kiến đóng góp, bổ sung.

- Xây dựng kế hoạch thực hiện chi tiết các nội dung.

2.2. Giai đoạn 2: Năm 2021-2024

Tham mưu và thực hiện đúng tiến độ kế hoạch xây dựng trường đạt Chuẩn quốc gia, Chuẩn xanh – sạch – an toàn, Thư viện tiên tiến, Kiểm định chất lượng giáo dục

3. Phân công nhiệm vụ cụ thể

3.1. Hiệu trưởng

Tổ chức triển khai thực hiện chiến lược tới từng cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường. Hàng năm, xây dựng kế hoạch năm học đảm bảo bám sát chiến lược phát triển của nhà trường. Đánh giá thực hiện chiến lược trong từng năm học.

3.2. Phó Hiệu trưởng

Theo nhiệm vụ được phân công, giúp hiệu trưởng tổ chức triển khai từng phần việc cụ thể, đồng thời kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện, đề xuất bổ sung những giải pháp để thực hiện chiến lược có hiệu quả.

3.3. Tổ trưởng chuyên môn

Tổ chức thực hiện kế hoạch triển khai của hiệu trưởng trong tổ; kiểm tra đánh giá việc thực hiện kế hoạch của các thành viên. Tìm hiểu nguyên nhân, đề xuất các giải pháp để thực hiện kế hoạch.

3.4. Giáo viên

Căn cứ chiến lược, kế hoạch năm học của nhà trường để xây dựng kế hoạch công tác cá nhân theo từng năm học. Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch theo từng học kỳ, năm học. Đề xuất các giải pháp để thực hiện kế hoạch.

3.5. Tổ văn phòng

Tổ chức thực hiện có hiệu quả kế hoạch của tổ từng năm học bám sát kế hoạch nhà trường năm học và Kế hoạch chiến lược phát triển; kiểm tra đánh giá việc thực hiện kế hoạch của các thành viên trong tổ. Dự báo khả năng và đề xuất các giải pháp để thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển

3.7. Các tổ chức Đoàn thể nhà trường

Hàng năm xây dựng chương trình hành động thực hiện nhiệm vụ của đoàn thể từng năm học, thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường.

Tuyên truyền, vận động mọi thành viên của đoàn thể mình thực hiện đạt mục tiêu và thực hiện tốt các nội dung và giải pháp trong kế hoạch chiến lược; góp ý với nhà trường điều chỉnh, bổ sung những giải pháp phù hợp để thực hiện tốt kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường

3.8. Ban đại diện cha mẹ học sinh

Tham gia góp ý việc triển khai thực hiện Kế hoạch; cộng tác với nhà trường trong các hoạt động giáo dục, xây dựng, tăng cường cơ sở vật chất và vận động xã hội hóa giáo dục; cùng với nhà trường tuyên truyền vận động các bậc cha mẹ học sinh và nhân dân tạo sự đồng thuận và ủng hộ việc thực hiện mục tiêu kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường.

Quan tâm chăm sóc và tạo điều kiện tốt để con em học tập, được rèn luyện ở trường học và có điều kiện vươn lên trong cuộc sống.

VI. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Thực hiện Kế hoạch phát triển nhà trường giai đoạn 2019 – 2024, song không ít những khó khăn và thách thức. Việc xây dựng Kế hoạch phát triển nhà trường giai đoạn 2019 – 2024, là tâm huyết và trí tuệ của cả tập thể nhà trường nhằm phấn đấu xây dựng và phát triển nhà trường ngày càng tốt hơn. Kế hoạch phát triển nhà trường giai đoạn 2019– 2024, là văn bản định hướng cho sự phát triển của nhà trường, là cơ sở cho các tổ chức và cá nhân trong nhà trường khi xây dựng kế hoạch hoạt động.

Nhà trường kính đề nghị chính quyền địa phương, phòng GD&ĐT quan tâm chỉ đạo và đầu tư. Các bậc phụ huynh học sinh phối kết hợp chặt chẽ và tạo điều kiện tốt nhất thực hiện hiệu quả kế hoạch đề ra.

Kế hoạch phát triển trường tiểu học Chiềng Nọi giai đoạn 2019-2024, do Ban xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường thực hiện và thông qua. Đề nghị các bộ phận, các cá nhân trong nhà trường nghiêm túc thực hiện.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (b/c) ;
- Đảng uỷ - UBND huyện (xã) (b/c);
- Lưu VT (Công)/.

HIỆU TRƯỞNG

Hà Minh Công

<i>Yêu nước</i>										
Tốt	79	49	79	49	115	37	175	38,5	250	40
Đạt	81	51	81	51	188	60,6	276	60	366	59
Cần cố gắng					7	2,4	6	1,5	7	1
<i>Nhân ái</i>										
Tốt	80	50	80	50	115	37	175	38,5	250	40
Đạt	80	50	80	50	188	60,6	276	60	366	59
Cần cố gắng					7	2,4	6	1,5	7	1
<i>Chăm chỉ</i>										
Tốt	80	50	80	50	115	37	175	38,5	250	40
Đạt	80	50	80	50	188	60,6	276	60	366	59
Cần cố gắng					7	2,4	6	1,5	7	1
<i>Trung thực</i>										
Tốt	78	48,7	78	48,7	115	37	175	38,5	250	40
Đạt	82	51,3	82	51,3	188	60,6	276	60	366	59
Cần cố gắng					7	2,4	6	1,5	7	1
<i>Trách nhiệm</i>										
Tốt	80	50	80	50	115	37	175	38,5	250	40
Đạt	80	50	80	50	188	60,6	276	60	366	59
Cần cố gắng					7	2,4	6	1,5	7	1
<i>IV. Đánh giá KQGD</i>										
- Hoàn thành xuất sắc	49	30,6	49	30,6	53	17	80	17,5	120	19
- Hoàn thành tốt	42	26	42	26	62	20	95	21	130	21
- Hoàn thành	63	39	63	39	188	60,6	276	60	366	59
- Chưa hoàn thành	7	4,4	7	4,4	7	2,4	6	1,5	7	1
<i>V. Khen thưởng</i>										
- Giấy khen cấp trường	30	18,7	30	18,7	90	29	120	26,2	200	32
- Giấy khen cấp trên										
<i>VII. HS.K.Tật</i>	5	0,31	5	0,31	5	1,6	8	1,7	10	1,6
<i>VIII. HS bỏ học kỳ II</i>										
+ Hoàn cảnh GDKK	80	50	80	50	120	38,7	350	76,5	580	93
+ KK trong học tập										
+ Xa trường, đi lại K.khăn	80	50	80	50	155	50	300	65,6	500	80,2
+ Thiên tai, dịch bệnh										
+ Nguyên nhân khác										
<i>IX. Chương trình lớp học</i>										
Hoàn thành	153	95,6	153	95,6	303	97,7	451	98,6	616	99
Chưa hoàn thành	7	4,4	7	4,4	7	2,3	6	3,4	7	1

CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC - ĐÁNH GIÁ THEO THÔNG TƯ SỐ 22/2016/TT-BGDĐT

Phụ lục 02

	Năm học 2019-2020		Năm học 2020-2021		Năm học 2021-2022		Năm học 2022-2023		Năm học 2023-2024	
	Tổng số HS	Tỷ lệ%	Tổng số HS	Tỷ lệ%	Tổng số HS	Tỷ lệ%	Tổng số HS	Tỷ lệ%	Tổng số HS	Tỷ lệ%
I. Kết quả học tập	491		491		370		259		140	
1. Tiếng Việt										
Hoàn thành tốt	120	24	120	24	83	22	70	27	40	28,5
Hoàn thành	368	75	368	75	278	76	185	71,5	98	70
Chưa hoàn thành	3	1	3	1	9	2	4	1,5	2	1,5
2. Toán										
Hoàn thành tốt	137	27,5	137	27,5	83	22	70	27	40	28,5
Hoàn thành	352	71	352	71	278	76	185	71,5	98	70
Chưa hoàn thành	2	1,5	2	1,5	9	2	4	1,5	2	1,5
II. Năng lực										
Tự phục vụ tự quản										
Tốt	168	34	168	34	87	23,5	80	31	50	36
Đạt	322	65,5	322	65,5	274	74,5	175	67,5	88	62,5
Cần cố gắng	1	0,5	1	0,5	9	2	4	1,5	2	1,5
Hợp tác										
Tốt	168	34	168	34	89	24	80	31	50	36
Đạt	322	65,5	322	65,5	272	74	175	67,5	88	62,5
Cần cố gắng	1	0,5	1	0,5	9	2	4	1,5	2	1,5
Tự học và giải quyết vấn đề										
Tốt	168	34	168	34	89	24	80	31	50	36
Đạt	322	65,5	322	65,5	272	74	175	67,5	88	62,5
Cần cố gắng	1	0,5	1	0,5	9	2	4	1,5	2	1,5
III. Phẩm chất										
Chăm học chăm làm										
Tốt	170	35,5	170	35,5	89	24	80	31	50	36
Đạt	320	64	320	64	272	74	175	67,5	88	62,5
Cần cố gắng	1	0,5	1	0,5	9	2	4	1,5	2	1,5
Tự tin trách nhiệm										
Tốt	170	35,5	170	35,5	89	24	80	31	50	36
Đạt	320	64	320	64	272	74	175	67,5	88	62,5
Cần cố gắng	1	0,5	1	0,5	9	2	4	1,5	2	1,5
Trung thực kỷ luật										
Tốt	170	35,5	170	35,5	89	24	80	31	50	36
Đạt	320	64	320	64	272	74	175	67,5	88	62,5
Cần cố gắng	1	0,5	1	0,5	9	2	4	1,5	2	1,5
Đoàn kết yêu thương										
Tốt	184	37	184	37	89	24	80	31	50	36
Đạt	306	62,5	306	62,5	272	74	175	67,5	88	62,5
Cần cố gắng	1	0,5	1	0,5	9	2	4	1,5	2	1,5
IV. Khen thưởng										
- Giấy khen cấp trường	60	12,2	60	12,2	70	19	60	23	30	21
- Giấy khen cấp trên										
VI. HSDT được trợ giảng										
VII. HS.K.Tật	8	1,6	8	1,6	8	2,1	6	2	6	4,2
VIII. HS bỏ học kỳ I										
+ Hoàn cảnh GDKK	300	61	300	61	241	65	200	77	70	50
+ KK trong học tập										
+ Xa trường, đi lại K.khẩn	230	46,8	230	46,8	261	70,5	190	73	100	71,4

+ Thiên tai, dịch bệnh										
+ Nguyên nhân khác										
<i>VIII. Chương trình lớp học</i>										
Hoàn thành	488	99	488	99	361	98	255	98,5	138	98,5
Chưa hoàn thành	3	1	3	1	9	2	4	1,5	2	1,5

TRƯỜNG - LỚP**Phụ lục 03**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tổng số
- Số điểm trường lẻ	Điểm lẻ	5
- Số lớp, trong đó	Lớp	24
- Lớp 1	lớp	7
- Lớp 2	lớp	5
- Lớp 3	lớp	4
- Lớp 4	lớp	4
- Lớp 5	lớp	4
Trong đó		
- Lớp học 2 buổi/ngày	lớp	31
- Lớp học bán trú trong trường PTDT bán trú	lớp	
- Lớp học bán trú do trường tổ chức	lớp	26
- Lớp ghép	lớp	1
- Có/không có mạng Internet	có/không có	Không có
- Có/không có điện lưới	có/không có	có
- Công trình vệ sinh dùng chung	m ²	
- Công trình vệ sinh dành cho HS	m ²	48
- Công trình vệ sinh dành cho GV	m ²	48

HỌC SINH**Phụ lục 04**

	Học sinh	Đơn vị tính	Năm học 2020-2021				Năm học 2021-2022				Năm học 2022-2023				Năm học 2023-2024				Năm học 2024-2025			
			Tổng số	Nữ	DTTS		Tổng số	Nữ	DTTS		Tổng số	Nữ	DTTS		Tổng số	Nữ	DTTS		Tổng số	Nữ	DTTS	
					Tổng	Nữ			Tổng	Nữ			Tổng	Nữ			Tổng	Nữ			Tổng	Nữ
1	Quy mô chia ra theo lớp		29				31				33				34				35			
	- Học sinh lớp 1	người	161	69	161	69	152	69	152	69	164	75	164	75	152	70	152	70	146	70	146	70
	- Học sinh lớp 2	người	123	63	123	63	158	72	158	69	152	69	152	69	164	75	164	75	152	70	152	70
	- Học sinh lớp 3	người	139	68	139	68	119	59	119	59	158	72	158	72	152	69	152	69	164	75	164	75
	- Học sinh lớp 4	người	104	54	104	54	140	67	140	67	119	59	119	59	158	72	158	72	152	69	152	69
	- Học sinh lớp 5	người	124	65	124	65	104	54	104	54	140	67	140	67	119	59	119	59	158	72	158	72
2	Quy mô chia ra theo độ tuổi																					
	- Dưới 6 tuổi	người																				
	- 6 tuổi	người	158	69	158	69	147	69	152	69	164	75	164	75	152	70	152	70	146	70	146	70
	- 7 tuổi	người	119	59	119	59	158	69	158	69	152	69	152	69	164	75	164	75	152	70	152	70
	- 8 tuổi	người	137	70	137	70	118	59	118	59	158	72	158	72	152	69	152	69	164	75	164	75
	- 9 tuổi	người	104	51	104	51	136	70	136	70	119	59	119	59	158	72	158	72	152	69	152	69
	- 10 tuổi	người	127	60	127	60	104	51	104	51	140	67	140	67	119	59	119	59	158	72	158	72
	- Trên 10 tuổi	người	6	2	6	2	9	3	9	3												
	Trong đó học sinh đi học đúng tuổi																					
	- Học sinh 6 tuổi học lớp 1	người	158	69	158	69	147	69	147	69	164	75	164	75	152	70	152	70	146	70	146	70
	- Học sinh 7 tuổi học lớp 2	người	118	59	118	59	154	69	154	69	152	69	152	69	164	75	164	75	152	70	152	70
	- Học sinh 8 tuổi học lớp 3	người	132	70	132	70	115	57	115	57	158	72	158	72	152	69	152	69	164	75	164	75
	- Học sinh 9 tuổi học lớp 4	người	99	51	99	51	132	67	132	67	119	59	119	59	158	72	158	72	152	69	152	69

3	Học sinh thuộc đối tượng chính sách	người	477	200	477	200	653	315	653	315	650	300	650	300	700	350	700	350	720	360	720	360
	- Học sinh được hỗ trợ chi phí học tập	người	477	200	447	200	650	325	650	325	650	300	650	300	700	350	700	350	720	360	720	360
	- Học sinh dân tộc thiểu số rất ít người được hỗ trợ học tập	người																				
	- Học sinh được hỗ trợ tiền ăn, tiền nhà ở và gạo	người	342	155	342	155	360	160	360	160	447	222	447	222	476	220	476	220	504	250	504	250

+ Từ 20 -50 tuổi	người	35	12		12	36			12	41			12	43			15	49			20	
+ Từ 51 - 59 tuổi	người	3				3				3				3								
GV tổng phụ trách Đội TNTP HCM	người																					
Nhân viên	người								4					4				4				
Chia ra :																						
- Nhân viên thư viện, thiết bị	người								1					1				1				
- Nhân viên công nghệ thông tin	người								1					1				1				
- Nhân viên kế toán	người																					
- Nhân viên thủ quỹ	người																					
- Nhân viên văn thư	người								1					1				1				
- Nhân viên y tế	người																					
- Nhân viên hỗ trợ GD khuyết tật	người																					
- Nhân viên giáo vụ	người																					
- Nhân viên kiêm nghiệm	người								1					1				1				

